

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/10/2021		•	
Tuần 4/10-8/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường điều chỉnh về ngưỡng 1330 điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư thoát khỏi thị trường khi chỉ có 6/19 ngành tăng điểm. Các nhóm đóng kiềm chế đà giảm của thị trường là: Tiện ích, Viễn thông và Hóa chất. Thanh khoản thị trường tăng và độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực cho thấy áp lực chốt lời ngắn hạn trong giai đoạn tích lũy lâu dài. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Nhịp điều chỉnh về lại ngưỡng hỗ trợ 1330 điểm cho thấy xu hướng tích lũy của thị trường tại vùng 1330-1350 điểm vẫn sẽ tiếp tục được duy trì trong tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: CII_Tín hiệu hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.17** điểm, đóng cửa **1,334.89** điểm. HNX-Index **-0.84** điểm, đóng cửa **356.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+3.57)**, **HPG (+0.61)**, **DGC (+0.39)**, **PDR (+0.30)**, **TPB (+0.29)**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.28)**, **VPB (-1.28)**, **VHM (-1.15)**, **CTG (-0.82)**, **MSN (-0.80)**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,194 tỷ đồng**, **+ 37.6%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,303 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11 điểm. Thị trường có **137** mã tăng, 47 mã tham chiếu và **269** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-536.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-103.1 tỷ)**, **VCB (-87.2 tỷ)**, **VHM (-69.5 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **123.18** triệu đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1334.89**
Giá trị: 18194.77 tỷ **-7.17 (-0.53%)**
Khối ngoại (ròng): -536.61 tỷ

HNX-INDEX **356.49**
Giá trị: 0 tỷ **-0.84 (-0.24%)**
Khối ngoại (ròng): 0.12 tỷ

UPCOM-INDEX **95.98**
Giá trị: 1875 tỷ **-0.58 (-0.6%)**
Khối ngoại (ròng): -2.9 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	74.6	-0.64%
Giá vàng	1,752	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	22,761	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,363	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	20,476	0.69%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	8.34%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	53.8	MSN	103.1
DCM	32.2	VCB	87.2
GAS	27.1	VHM	69.5
FUEVFVN	19.8	VIC	49.8
PNJ	14.1	VRE	49.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
CII_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: CII đang nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn từ ngưỡng 18.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và RSI đều đang cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên ngưỡng MA20, MA50, và dải mây Ichimoku báo hiệu xu hướng hồi phục tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 18.50, chốt lãi tại ngưỡng 20.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 17.7.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

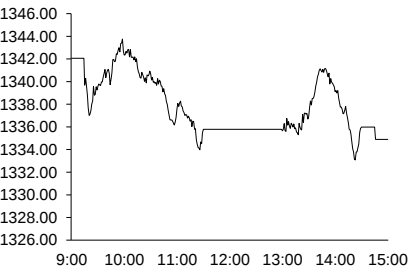
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.47%
Viễn thông	2.62%
Hóa chất	1.63%
Dầu khí	1.09%
Tài nguyên Cơ bản	0.84%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.62%
Du lịch và Giải trí	-0.03%
Ô tô và phụ tùng	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	-0.20%
Truyền thông	-0.24%
Công nghệ Thông tin	-0.34%
Y tế	-0.58%
Thực phẩm và đồ uống	-0.62%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.79%
Bất động sản	-0.83%
Bán lẻ	-0.95%
Bảo hiểm	-1.11%
Ngân hàng	-1.43%
Dịch vụ tài chính	-1.75%

Hình 1

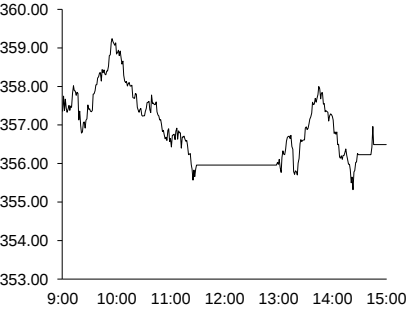
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	12.95	1	6.58%	Có thể tiếp tục mua
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	20.6	2	-0.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	53.4	3	1.52%	Có thể tiếp tục mua
24/9/21	TCH	18.05	21	17	17.9	7	-0.83%	Có thể tiếp tục mua
20/9/21	VNM	88.7	95	85	89.8	11	1.24%	Có thể tiếp tục mua
15/9/21	VRE	28.55	32	27	28.2	16	-1.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	41.3	18	0.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	55.6	22	7.34%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	28.7	31	14.98%	Có thể tiếp tục mua
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	15.8	35	14.41%	Cần nhắc không mua thêm (**)
17/8/21	POM	15.9	20	14	16.45	45	3.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	14	50	4.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

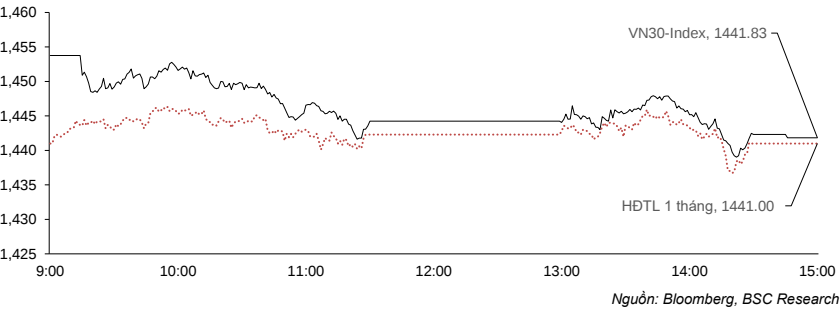
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
23/8/21	NRC	20.2	24	17.5	SL	17	-13.37%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	3	6.06%	-1.01%	4.29%	20
Cổ phiếu đã chốt	189	127	14.01%	-7.88%	5.21%	25

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1441.00	-0.76%	-0.83	-2.0%	180,114	10/21/2021	20
VN30F2111	1439.90	-0.80%	-1.93	8.8%	357	11/18/2021	48
VN30F2112	1437.30	-0.73%	-4.53	-78.3%	5	12/16/2021	76
VN30F2203	1432.00	-0.89%	-9.83	-18.8%	39	3/17/2022	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm –11.93 điểm xuống 1441.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, STB, TCB, MSN, VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giảm tiêu cực xuống quanh 1440 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2111, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2107	3/14/2022	164	5:1	6,600	40.49%	3,100	4,630	12.93%	2,460	1.88	#N/A	150,000	140,000
CHPG2111	1/6/2022	97	5:1	1,234,500	37.94%	1,700	2,680	0.37%	1,526	1.76	56,500	48,000	53,400
CMWG2108	3/14/2022	164	5:1	7,300	36.55%	3,500	4,700	0.00%	2,730	1.72	#N/A	126,000	126,200
CVNM2109	1/6/2022	97	5:1	806,900	26.33%	2,150	1,600	0.00%	644	2.49	105,750	95,000	89,800
CFPT2105	1/6/2022	97	4.95:1	334,400	32.21%	3,500	3,700	0.00%	2,288	1.62	103,500	86,000	92,900
CHPG2110	12/6/2021	66	5:1	277,600	37.94%	2,400	2,920	0.00%	2,033	1.44	56,000	44,000	53,400
CTCB2101	10/5/2021	4	1:1	73,000	38.58%	5,000	18,140	-1.95%	18,016	1.01	36,000	31,000	49,000
CMWG2104	3/22/2022	172	10:1	108,900	36.55%	2,400	6,750	-2.32%	1,019	6.62	159,000	135,000	126,200
CMSN2105	1/6/2022	97	5:1	390,500	40.49%	5,000	4,500	-2.39%	3,834	1.17	153,000	128,000	140,000
CPNJ2105	1/6/2022	97	5:1	815,600	31.54%	3,300	2,200	-2.65%	1,836	1.20	26,000	9,500	99,000
CMWG2107	1/6/2022	97	5:1	463,200	36.55%	6,600	7,020	-2.90%	218	32.27	198,000	165,000	126,200
CFPT2104	12/6/2021	66	9.89:1	242,300	32.21%	3,000	2,540	-3.05%	1,520	1.67	110,000	80,000	92,900
CMWG2106	1/7/2022	98	10:1	311,900	36.55%	3,000	3,390	-3.69%	40	85.63	210,000	180,000	126,200
CVHM2107	1/6/2022	97	5:1	224,800	34.87%	3,900	2,820	-3.75%	35	80.71	129,500	110,000	77,000
CSTB2107	1/19/2022	110	2:1	615,800	46.08%	2,600	1,300	-4.41%	312	4.17	37,200	32,000	24,700
CHPG2109	1/10/2022	101	1:1	372,700	37.94%	4,000	5,500	-5.01%	3,853	1.43	59,000	55,000	53,400
CTCB2106	1/19/2022	110	5:1	409,300	38.58%	2,000	1,400	-5.41%	446	3.14	65,000	55,000	49,000
CVRE2106	1/6/2022	97	2:1	1,144,600	38.69%	2,300	1,950	-5.80%	1,252	1.56	39,500	28,000	28,200
CVPB2106	1/19/2022	110	5:1	722,900	38.71%	2,500	2,620	-8.07%	1,065	2.46	77,500	65,000	63,900
CMBB2104	1/19/2022	110	2:1	537,200	38.59%	2,900	1,630	-9.94%	478	3.41	37,800	32,000	27,450
Tổng				9,093,400	36.57%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CMBB2103 và CVNM2107 tăng mạnh lần lượt là 60.87% và 16.19%. Trái lại, CKDH2106 và CPNJ2106 giảm mạnh lần lượt là -13.24% và -10.00%. Giá trị giao dịch tăng 20.73%. CMSN2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.56% thị trường.

- CTCB2101, CPNJ2106, CMSN2105, CPNJ2105, và CVIC2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CTCB2101, và CHPG2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CMSN2105, và CMSN2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.2	-1.3%	0.9	3,912	6.0	6,428	19.6	4.9	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	99.0	0.3%	1.0	979	2.6	5,812	17.0	3.9	48.3%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	57.9	-0.9%	1.4	1,869	3.1	2,522	23.0	2.1	26.7%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	46.2	-4.7%	0.5	449	0.2	3,491	13.2	1.4	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	87.7	-0.3%	0.7	14,509	6.6	1,767	49.6	3.7	13.9%	7.7%
VRE	Bất động sản	28.2	-3.1%	1.1	2,786	6.5	1,195	23.6	2.1	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	77.0	-1.7%	1.0	14,578	13.9	7,714	10.0	3.4	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	18.8	-1.6%	1.3	487	2.0	1,379		1.3	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	39.2	-3.6%	1.5	1,675	18.6	1,861	21.1	3.4	44.6%	16.5%
VCI	Chứng khoán	57.7	-3.0%	1.0	835	12.1	3,466	16.6	3.6	20.3%	25.4%
HCM	Chứng khoán	50.5	-2.9%	1.6	670	11.8	2,899	17.4	3.2	47.6%	19.4%
FPT	Công nghệ	92.9	-0.1%	0.9	3,665	4.3	4,234	21.9	5.0	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.5	0.2%	0.4	1,178	0.0	4,304	19.2	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	103.5	6.7%	1.3	8,613	18.9	4,077	25.4	4.2	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	51.9	0.6%	1.5	2,867	5.4	3,216	16.1	2.6	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.7	1.4%	1.7	596	19.4	1,136	25.3	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.2	2.0%	0.8	2,723	19.6	(909)		2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.8	-0.1%	0.3	567	0.1	5,761	17.3	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	38.1	3.5%	0.8	648	20.2	2,903	13.1	1.7	9.9%	13.6%
DCM	Hóa chất	28.2	6.6%	0.7	649	11.0	1,169	24.1	2.2	2.7%	9.4%
VCB	Ngân hàng	95.9	-1.3%	1.1	15,464	6.8	5,534	17.3	3.4	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	38.8	-1.6%	1.3	6,785	2.8	2,464	15.7	1.9	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	29.8	-2.1%	1.3	6,216	15.8	3,417	8.7	1.5	24.6%	19.0%
VPB	Ngân hàng	63.9	-3.0%	1.2	6,862	25.1	5,052	12.6	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	27.5	-1.4%	1.2	4,509	16.2	2,764	9.9	1.9	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	31.5	-0.2%	1.0	3,700	8.8	3,589	8.8	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	52.9	0.2%	0.7	188	0.1	4,762	11.1	1.9	83.9%	16.4%
NTP	Nhựa	50.6	-0.2%	0.4	259	0.0	4,085	12.4	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	21.4	-2.7%	0.7	1,023	0.4	39	548.7	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	53.4	0.9%	1.1	10,385	70.6	5,616	9.5	3.2	26.0%	39.8%
HSG	Thép	46.8	0.5%	1.4	1,003	19.2	7,745	6.0	2.3	11.6%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	89.8	0.2%	0.6	8,160	14.8	4,572	19.6	5.9	54.7%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	154.2	-1.4%	0.8	4,299	1.0	7,293	21.1	4.7	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	140.0	-1.8%	0.9	7,186	5.3	1,787	78.3	7.7	32.4%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.2	0.5%	1.2	579	3.2	1,070	19.8	1.7	9.8%	8.5%
ACV	Vận tải	83.0	-0.1%	0.8	7,856	0.2	577	143.8	4.8	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	128.8	0.7%	1.1	3,033	4.2	279		4.1	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	24.9	-0.4%	1.7	2,402	0.6	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	48.7	-1.8%	1.0	638	3.5	1,357	35.9	2.4	41.6%	6.7%
PVT	Vận tải	23.3	0.9%	1.4	328	4.7	2,487	9.4	1.5	13.6%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	126.5	-1.9%	0.9	880	1.4	9,519	13.3	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.4	-0.7%	0.4	651	1.3	2,098	15.9	2.3	4.3%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.7	2.2%	0.9	393	5.2	1,653	14.3	1.6	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	67.3	-1.2%	1.0	216	0.5	2,005	33.6	0.6	44.9%	1.8%
CII	Xây dựng	18.5	4.2%	0.6	192	5.0	127	145.9	0.9	22.0%	0.6%
REE	Điện	65.9	1.1%	-1.4	885	2.4	5,807	11.3	1.7	49.0%	15.8%
PC1	Điện	38.7	0.0%	-0.4	322	3.4	3,445	11.2	1.7	8.6%	17.5%
POW	Điện	12.2	2.1%	0.6	1,242	9.6	1,079	11.3	1.0	2.9%	8.7%
NT2	Điện	20.6	0.0%	0.5	258	0.7	1,093	18.8	1.4	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	42.7	-1.8%	1.1	872	18.4	1,808	23.6	2.0	17.7%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	44.0	-1%	1.0	1,980	0.1			2.9	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	103.50	6.70	3.35	4.34MLN
HPG	53.40	0.95	0.60	30.48MLN
DGC	158.90	5.30	0.37	1.46MLN
TPB	42.60	2.40	0.29	14.91MLN
PDR	84.00	2.69	0.29	4.78MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-1.32	8.92MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.30	1.61MLN	607060
VHM	0.00	-1.17	4.12MLN	373600
CTG	0.00	-0.84	12.09MLN	192700
MSN	0.00	-0.83	859300	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GSP	16.90	6.96	0.01	1.21MLN
PGC	29.20	6.96	0.03	437300
CNG	38.50	6.94	0.02	1.12MLN
HSL	7.70	6.94	0.00	416400
TDG	6.96	6.91	0.00	1.49MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVT	15.15	-15.83	-0.01	184700
HRC	61.20	-6.99	-0.04	8400
TGG	47.25	-6.99	-0.03	483000.00
COM	40.95	-6.93	-0.01	3100
TTE	8.64	-6.90	-0.01	1000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	29.00	7.01	1.18	297600.00
IDC	52.60	1.15	0.22	1.60MLN
PVS	28.70	1.41	0.14	15.57MLN
PGS	31.30	9.82	0.14	411100.00
APS	22.30	6.19	0.12	3.42MLN

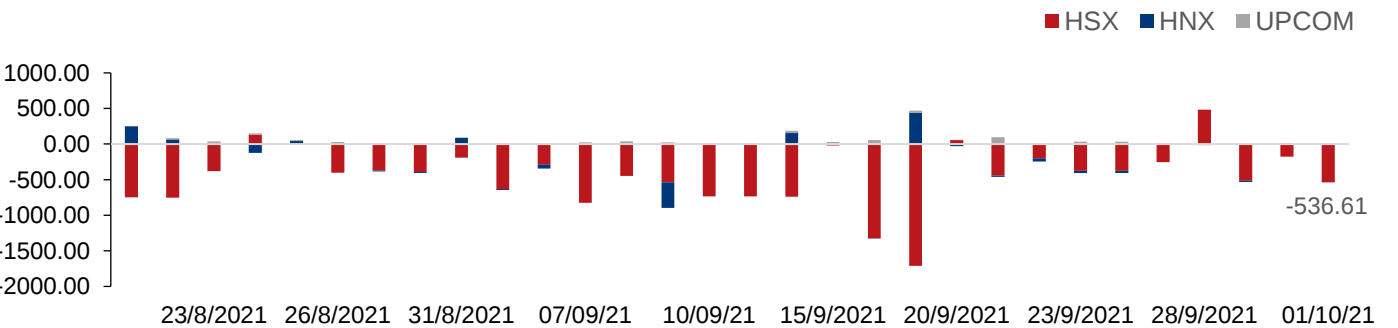
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	26.10	-1.88	-1.24	13.51MLN
THD	226.40	-0.70	-0.63	547900
SHS	35.60	-1.93	-0.32	3.67MLN
BAB	21.80	-0.91	-0.21	51500
BII	16.10	-9.55	-0.13	3.59MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HGM	40.70	10.0	0.03	700
NFC	12.10	10.0	0.01	700
PCG	11.00	10.0	0.01	229500
VIT	15.40	10.0	0.05	100800
CSC	79.40	10.0	0.11	314900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TET	26.70	-10.70	0.00	700
ARM	45.00	-10.00	-0.01	1600
CTC	7.20	-10.00	-0.01	410600
KST	27.90	-10.00	-0.01	900
VKC	16.50	-9.84	-0.04	566300

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.5	3,589	8.8	2.1	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	29.0	1,686	17.2	1.5	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.3	566	20.0	1.1	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.0	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	56.4	3,949	14.3	2.3	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	29.8	3,417	8.7	1.5	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	28.2	1168.9	24.1	2.2	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	158.9	5,868	27.1	6.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	119.9	4,602	26.1	7.6	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	53.5	4,905	10.9	2.8	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	38.1	2,903	13.1	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.8	2,868	11.1	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	18.8	1,379		1.3	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	92.9	4,234	21.9	5.0	Click
18	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	103.5	4,077	25.4	4.2	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	36.1	1,180	30.6	3.0	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	53.4	5,616	9.5	3.2	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	46.8	7,745	6.0	2.3	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	23.7	1,653	14.3	1.6	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.4	-1,169		1.0	Click
24	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	41.3	1,966	21.0	3.0	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.2	6,776	7.3	1.7	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	20.9			1.6	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	86.7	6,547	13.2	3.0	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	126.2	6,428	19.6	4.9	Click
2	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	44.8	6,786	6.6	2.1	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	41.3	3,926	10.5	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.7	3,445	11.2	1.7	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	39.3	2,380	16.5	2.4	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.0	5,812	17.0	3.9	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.2	1,079	11.3	1.0	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.6	0	1072.2	0.7	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.7	1,136	25.3	1.1	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.2	1,070	19.8	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.5	1,064	33.4	3.6	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	49.6	15635.6	3.2	1.4	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.0	4,613	10.6	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	95.9	5,534	17.3	3.4	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.6	570	34.4	1.6	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	52.4	4,035	13.0	1.8	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	77.0	7,714	10.0	3.4	Click
16	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	89.8	4,572	19.6	5.9	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	63.9	5,052	12.6	2.6	Click
46	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.2	1,195	23.6	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	80.8	3,256	24.8	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
2	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
5	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
8	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
15	Banking Sector Outlook		x	Click
16	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
18	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
19	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
20	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
21	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
23	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
24	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
25	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
26	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
28	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
29	Fishery Outlook 2021		x	Click
30	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
31	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
32	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
34	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
35	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
40	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639